

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 21/4/2026

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thẩm

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Tuyết và bà Bùi Thị Thu Hương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Bá Diệu Linh - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 124/2025/TLST - HNGĐ ngày 09/10/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 23/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2026/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thu H, S năm 1994; Nơi cư trú: thôn 3 Thanh S, xã Ph, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xử vắng mặt.

Số căn cước công dân: 044194000830

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Gi, S năm 1984; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: thôn 3 Thanh Sen, xã Ph, tỉnh Quảng Trị. Hiện đã xuất cảnh sang Đài Loan không rõ địa chỉ. Vắng mặt

Số căn cước: 044084007449

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xử vắng mặt chị Trần Thị Thu H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Gi sau một thời gian tìm hiểu đã đi đến hôn nhân, vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phúc Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình vào ngày 25/01/2013. Quá trình chung sống thời gian đầu vẫn êm ấm như bao gia đình khác, tuy nhiên từ năm 2018 trở lại đây vợ chồng phát S nhiều mâu thuẫn trầm trọng vì không hiểu tính tình của nhau, khác nhau trong suy nghĩ và cách

cư xử nên vợ chồng thường xuyên cãi vã và đã sống ly thân. Nay chị nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Gi để sớm ổn định được cuộc sống của bản thân.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 01 con chung tên là Nguyễn Gia K, S ngày 20/5/2013. Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn mong muốn được nuôi con không yêu cầu anh Gi đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân, địa chỉ của anh Nguyễn Văn Gi thông qua người thân anh Gi là bà Nguyễn Thị S - Mẹ đẻ anh Gi, bà S cho biết anh Gi và chị H đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Phúc Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh Gi sống chung với bà được 5 năm sau đó vợ chồng này S mâu thuẫn nên chị H đã về nhà mẹ đẻ ở thôn Cù Lạc, xã Ph, tỉnh Quảng Trị, từ đó đến nay vợ chồng không liên lạc với nhau. Quá trình chung sống anh Gi và chị H có 01 con chung tên là Nguyễn Gia K, S ngày 20/5/2013 hiện cháu đang sống cùng với mẹ. Theo bà được biết anh Gi và chị H quá trình chung sống không có tài sản chung hay nợ chung gì. Năm 2020 anh Gi đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến nay không về, bà không biết được địa chỉ cụ thể của anh Gi. Tuy nhiên, bà đã nhận được các văn bản tố tụng mà Tòa án gửi cho anh Gi và đã thông báo cho anh Gi biết nhưng do đi làm ăn tại Đài Loan nên không thể tới Tòa án trình bày quan điểm, sau khi nhận được thông báo về việc chị H làm đơn xin ly hôn anh Gi đề nghị Tòa án chấp nhận đơn ly hôn của chị H và giải quyết vắng mặt anh Gi. Anh Gi không gửi văn bản trình bày ý kiến về cho Tòa án và cũng không cung cấp địa chỉ của anh hiện nay tại nước ngoài.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND Khu vực I phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, hai bên đã sống ly thân nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; Các

Điều 28, 35, 227, 228, 238, 273, 464, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thu H xử cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Gi; về con chung: Giao 01 con Chung là Nguyễn Gia K, S ngày 20/5/2013 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh Gi đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên anh Gi không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí buộc chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại công văn số 1814/PA08-Đ1, ngày 20/10/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Trị về cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Nguyễn Văn Gi đã xuất cảnh ngày 20/11/2020, không thấy thông tin nhập cảnh trên hệ thống. Theo thông tin người nhà anh Gi cho biết hiện tại anh đang lao động tại Đài Loan. Tại thời điểm thụ lý vụ án, anh Gi đang ở nước ngoài, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Theo Công văn số 253/TANDTC-PC, ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ và Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, Toà án nhân dân Khu vực 1 đã tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân, địa chỉ của anh Nguyễn Văn Gi qua bà Nguyễn Thị S là mẹ của anh Gi. Bà S không cung cấp địa chỉ hiện tại của anh Gi tại nước ngoài. Tòa án gửi công văn đề nghị ban đối ngoại đài tiếng nói Việt Nam đăng thông tin cho anh Gi. Đài tiếng nói Việt Nam đã đăng thông tin cho anh Gi trong 3 ngày liên tiếp từ ngày 02, 03 và 04/12/2025 nhưng anh Gi không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Chị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị H, anh Gi theo quy định tại Điều 238, 477 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Gi đăng ký kết hôn ngày 25/01/2013 tại UBND xã Phúc Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Ph, tỉnh Quảng Trị). Việc kết hôn có tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không ai ép

buộc, tuân thủ quy định Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày của chị H hiện vợ chồng mâu thuẫn, không còn tình cảm, không quan tâm lẫn nhau, sống ly thân từ năm 2018 đến nay nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh qua thân nhân của anh Gi, tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị S (mẹ anh Gi), đăng thông tin cho anh Gi trên phương tiện thông tin đại chúng, nhưng anh Gi không có mặt tại Tòa án theo giấy báo cũng như gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn”. Do đó, chị H có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Gi. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ, yêu thương lẫn nhau. Nhưng, chị H không còn tình cảm với anh Gi, vợ chồng sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm nhau. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị H xử cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Gi.

[2.2] Con chung: Quá trình chung sống chị H và anh Gi có 01 con chung là Nguyễn Gia K, S ngày 20/5/2013. Chị H có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu anh Gi cấp dưỡng nuôi con. Cháu K sống với mẹ từ lúc vợ chồng ly thân, nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ. Anh Gi hiện đang ở nước ngoài, quá trình giải quyết vụ án anh không cung cấp lời khai do đó, căn cứ quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cần giao cháu K cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; Các Điều 28, 35, 227, 228, 238, 273, 464, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Xét xử vắng mặt chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn Gi.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu H, xử cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn Gi.
3. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Gia K, S ngày 20/5/2013 cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh Gi đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và khẳng định có đủ khả năng tự nuôi con một mình.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn Gi có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không xem xét.
5. Về án phí: Buộc chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000662 ngày 09/10/2025 tại thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết. Bị đơn anh Nguyễn Văn Gi có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 1;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Phúc Trạch (nay là Ph)
- Số GCNKH: 10 ngày 25/01/2013;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm

